

phê tại số 37 đường V, thành phố P, tỉnh Gia Lai và đóng tiền góp hàng ngày cho L là 400.000 đồng.

Tháng 11/2015, T mở quán cà phê thì có Phan Thị Kim D (sinh năm 1985, trú tại Thôn V1, xã S1, huyện S2, tỉnh Phú Yên); Ni T1 (sinh năm 1996, trú tại: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum) và Y P1 (sinh năm 1991) đến xin phụ bán cà phê và làm gái bán dâm khi có khách yêu cầu gọi điện thoại hỏi mua dâm thì T chở đến các nhà nghỉ để bán dâm cho khách nhiều lần.

Sau một thời gian, thấy việc kinh doanh và trả nợ của T không như thỏa thuận nên L có ý phàn nàn, T lấy lý do các cô gái giúp T bán quán xấu nên không có khách, đồng thời nhờ L tìm giúp gái trẻ đẹp về phụ bán cà phê để có tiền trả góp cho L.

L đồng ý và gặp Nguyễn Thị Kim H (tên thường gọi là Gái, sinh năm 1981 trú tại Tổ X, phường Y, thành phố P) tại quán cà phê số 71 đường T2, thành phố P và nói với H: “Bà T nợ tiền của tao mà đóng ừ lì, bà nói có hai đứa làm mà xấu nên ế khách, bà T nhờ tao tìm người”, H nói: “Tao có một con bé nó nợ tao 15.000.000 đồng, mày nói bà T đưa tao 15.000.000 đồng tao chuyển nó qua cho bà T”, H hỏi lấy số điện thoại của T rồi điện T đến, H nói với T “em có một con bé Hot Girl, nó nợ em 15.000.000 đồng, chị trả cho em 15.000.000 đồng em chuyển nó qua làm cho chị”, T nói “Chị không có tiền” thì H nói “có sư phụ Ba L cho chị mượn tiền trả góp mà lo gì”.

Sau khi thỏa thuận với T, khoảng 03 ngày sau, H đã điện thoại cho cháu Dương Thị Phương L1 (sinh ngày 16/6/2000) nói L1 về nhà H để H thanh toán tiền, nên L1 đón xe taxi từ Đak Đoa đi đến nhà Nguyễn Thị Kim H.

Khoảng 20 giờ, (ngày không nhớ đầu tháng 01/2016) H và Trần Duy Th (hiện không nơi ở nhất định) chở cháu Dương Thị Phương L1 đến quán cà phê của T ở 37 – Vạn Kiếp, thành phố P. Khi đến quán thì có Nguyễn Đỗ Phong L, Nguyễn Thị Thùy T, Phan Thị Kim D. Khi vào quán, H đã nói T đưa cho H mượn giấy, bút rồi H đọc cho L1 viết giấy nhận nợ với nội dung L1 có nợ T 15.000.000 đồng và hứa ở nhà T phụ bán cà phê để trả nợ trong vòng 6 tháng, mỗi tháng tiền công 3.000.000 đồng. Sau đó H và Th đi về còn cháu L1 ở lại nhà T.

Ngày hôm sau, H điện thoại cho L nói “Bà T nói ông trả cho tôi 15.000.000 đồng” L hỏi H “bà đang ở đâu” thì H trả lời đang ở đường Lê Đại Hành nên L đến đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, L đã nói cho T biết đã trả 15.000.000 đồng cho H và thống nhất với T số tiền 15.000.000đ tính cả gốc lẫn lãi T phải trả cho L là 18.000.000đ, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng.

Sau khi Dương Thị Phương L1 ở nhà T thì T đã môi giới cho L1 đi bán dâm cùng với Phan Thị Kim D, Y P1 và Ni T1 tại các khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn thành phố P như: Z1, Z2, Z3, Z4.... Cụ thể: khi có khách gọi điện thoại cho T để hỏi mua dâm thì T dùng xe mô tô, mang biển số 81X1 – 05958, trực tiếp chở các gái như D, Ni T1, Y P1 và L1 đến địa điểm bán dâm, sau khi bán dâm xong thì T chở họ về, những khi bận công việc T nhờ con trai là Cao Trường S chở gái đến địa điểm bán

dâm. Số tiền mỗi lượt bán dâm được khoảng 100.000 đồng. Theo lời khai của L1 thì mỗi ngày, L1 cùng các gái bán dâm khác thực hiện việc bán dâm từ 6 – 7 lượt, số tiền bán dâm của L1 được Nguyễn Thị Thùy T giữ để trả tiền công chở đi và trả nợ góp cho L hằng ngày. Riêng tiền bán dâm của Ni T1, Y P1 và Phan Thị Kim D thì sau mỗi lần bán dâm về các gái bán dâm đưa cho T 50.000 đồng.

Vào khoảng cuối tháng 1/2016, sau khi ở nhà T và đi bán dâm được khoảng 20 ngày thì L1 bỏ trốn, T đã gọi điện báo sự việc cho L và H biết. Sau đó, T đi bán nữ trang được khoảng 10 triệu đồng và cùng với Ngô Đình V2 đi xuống Quy Nhơn, T ngồi tại một quán cà phê và nhờ V2 đi tìm và gặp L1 ở bãi biển Quy Nhơn đang đi chơi với người yêu là Ứng Văn N1. V2 nói L1 đi đến quán cà phê gặp T nói chuyện, L1 đồng ý. Sau đó L1, N1 đón taxi đi cùng V2 đến gặp T, khi đến quán cà phê thì T cùng lên xe taxi chạy được một đoạn thì T đuổi Ứng Văn N1 xuống xe rồi xe taxi chở L1, T và V2 đi về thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi bắt giữ cháu L1 thì T quản lý L1 chặt chẽ, không cho tự do đi lại và không cho sử dụng điện thoại di động để liên lạc.

Ngày 03/02/2016, sau khi nhận được điện thoại của Ứng Văn N1 báo cháu L1 bị người khác bắt giữ, anh Dương Tấn V3 (sinh năm 1979, cha ruột của cháu L1) đã viết Đơn báo cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P về việc cháu L1 bị người khác bắt giữ trái pháp luật. Ngày 04/2/2016, qua điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã bắt quả tang Nguyễn Thị Thùy T về hành vi: “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Ngày 13/02/2016, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố P đã ra Quyết định khởi tố vụ án “Mua bán trẻ em; Môi giới mại dâm; bắt giữ người trái pháp luật”, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Thùy T về tội “Mua bán trẻ em; Bắt giữ người trái pháp luật; Môi giới mại dâm” và Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Đỗ Phong L về tội “Mua bán trẻ em”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 03/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cao Trường S phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ vào Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Cao Trường S 04 (bốn) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Đỗ Phong L; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng vụ án, án phí và kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 07/5/2019 bị cáo Cao Trường S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Cao Trường S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời trình bày cho rằng: Bị cáo khi phạm tội mới chỉ 16 tuổi, trình độ học vấn thấp chỉ học lớp 5/12 nên nhận thức chưa được quy định của pháp luật. Vì bị cáo T là Mẹ của bị cáo nên trong lúc đi học nghề về nhà Mẹ sai chỗ dùm người bị hại L1 thì bị cáo chở đi chứ không biết gì. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố đã li hôn với Mẹ 16 năm, đã có vợ khác, bị cáo ở với Mẹ nhưng Mẹ đã chấp hành hình phạt tù 10 năm 6 tháng, bị cáo hiện nay phải nuôi một cháu nhỏ 07 tuổi do Mẹ của cháu là chị ruột bị cáo đi làm xa, có xác nhận của UBND phường D1, thành phố P, tỉnh Gia Lai; bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Kính đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung của vụ án đã nêu; bị cáo có nhiều tình tình giảm nhẹ như đã trình bày tại phiên tòa và thể hiện tại hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, có điều kiện hoà nhập với cộng đồng xã hội, phấn đấu trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng thời gian cuối tháng 01 năm 2016 trong thời gian bị hại Dương Thị Phương L1 bị chuyển đến làm việc cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy T (là mẹ của bị cáo) với hình thức là nhân viên phụ bán cà phê nhưng thực chất bị cáo Nguyễn Thị Thùy T và Cao Trường S đã nhiều lần có hành vi đưa Dương Thị Phương L1 đi bán dâm để hưởng lợi mà người chủ mưu là bị cáo T, còn bị cáo S là người giúp sức cho bị cáo T. Thời điểm các bị cáo đưa Dương Thị Phương L1 đi bán dâm chưa đủ 16 tuổi. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T và Cao Trường S đã phạm vào tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm a khoản 3 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo T (Mẹ của bị cáo S) là người trực tiếp đưa ra chủ trương đưa cháu Dương Thị Phương L1 đi bán dâm cho người có nhu cầu và trực tiếp chở Dương Thị Phương L1 đi bán dâm nhiều lần để hưởng lợi nên giữ vai trò chính, phải chịu trách nhiệm cao hơn đồng phạm. Về hành vi này bị cáo T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Đối với bị cáo Cao

Trường S đã có nhiều lần chở Dương Thị Phương L1 đi bán dâm nhưng theo sự sai bảo, nhờ cậy của bị cáo T; do vậy, giữ vai trò là đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thị Thùy T nên chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo T.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định về hình phạt đã xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Bị cáo Cao Trường S có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải; khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (ở độ tuổi từ trên 16 đến dưới 18 tuổi) nên được áp dụng theo quy định đối với người chưa thành niên phạm tội theo điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự đã xử phạt bị cáo 04 năm tù là có phần nghiêm khắc. Trước khi mở phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp cho Hội đồng xét xử Giấy xác nhận được chính quyền địa phương UBND phường D1, thành phố P, tỉnh Gia Lai xác nhận vào ngày 05/8/2019 thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn: Bố mẹ bị cáo đã li hôn 16 năm và đã có vợ khác, bị cáo ở với mẹ là bị cáo T cùng trong vụ án bị xử phạt 10 năm 6 tháng tù; hiện nay còn một cháu nhỏ 07 tuổi (con của chị gái bị cáo) đang ở cùng với mẹ con bị cáo nhưng không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm; đồng thời, mức án 4 năm tù mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nặng. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ thêm cho bị cáo một phần hình phạt và không nhất thiết phải cách L1 bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội để bị cáo có thời gian lao động nuôi sống bản thân và chăm sóc, nuôi dưỡng cháu của bị cáo; đồng thời để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, rèn luyện, phấn đấu trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là có căn cứ để xem xét; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Trường S sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 03/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm 1, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Xử phạt: Bị cáo Cao Trường S 03 (ba) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Cao Trường S cho Ủy ban nhân dân phường Th1, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục; đồng thời gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Th1, thành phố P, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Cao Trường S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Cao Trường S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Th1, Tp.P, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông